

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3188/TTr-SKHCN ngày 04/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi,

đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp, đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đang triển khai theo Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và chi tiết triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tiếp tục được thực hiện, đồng thời được rà soát, cập nhật theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Như Điều 4;
 Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
 Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
 CT và các PCT UBND tỉnh;
 UBNDTTQVN tỉnh;
 Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
 VP Tỉnh ủy;
 Các Hội, đoàn thể thuộc tỉnh;
 Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
 Báo và PTTH Khánh Hòa;
 VPUB: LĐ, các phòng, ban, trung tâm;
 Lưu: VT, KGVX. NNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về
đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
quốc gia, giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh)*

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP); Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 48-NQ/TU); Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch hành động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 11/NQ-CP; Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Triển khai các nội dung về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025-2030.

- Xác định cụ thể, chi tiết, có lộ trình, kết quả các nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp gắn với tình hình thực tế và các nhiệm vụ trọng tâm của từng đơn vị trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với tình hình thực tế của tỉnh Khánh Hòa.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 11/NQ-CP; Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Rà soát, cập nhật các nhiệm vụ, nội dung, các chỉ tiêu gắn với tình hình thực tế của tỉnh Khánh Hòa.

- Tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, bám sát các nội dung, chương trình, kế hoạch tỉnh đang triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể, các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động; cụ thể hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa, đưa Khánh Hòa phát triển bứt phá, giàu mạnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên mới.

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý chủ động tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo kịp thời, linh hoạt, hiệu quả; xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên các lĩnh vực, được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách của Trung ương nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại: Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 11/NQ-CP và Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Mục tiêu cụ thể

Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Chi tiết theo Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các địa phương thuộc tỉnh, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị với các giải pháp cụ thể để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực; bảo đảm an ninh,

trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này, báo cáo định kỳ thực hiện theo Kế hoạch hàng năm UBND tỉnh ban hành¹, báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch hành động này, chủ động báo cáo, đề xuất qua Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp và báo cáo, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương trong việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp cần thiết nhằm bảo đảm việc triển khai đồng bộ, hiệu quả; chủ động bám sát chương trình, kế hoạch làm việc của các cơ quan Trung ương và cấp có thẩm quyền để thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định; phối hợp Sở Nội vụ trong việc đề xuất biểu dương, khen thưởng, đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế, phối hợp với các sở, ngành liên quan, tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch hàng năm và phương thức thực hiện báo cáo khoa học, hướng dẫn các sở ngành, địa phương thực hiện định kỳ và đột xuất theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch hành động này và Kế hoạch hàng năm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện hàng năm theo Kế hoạch hành động, phù hợp khả năng cân đối ngân sách nhà nước và đúng quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh đối với các nội dung thuộc thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức khoa học và công nghệ thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

¹ Năm 2026, thực hiện báo cáo định kỳ theo Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
I	Phát triển hạ tầng									
1.	Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh	%	98	99	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
2.	Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G;	%	-	-	-	50	80	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	-	≥ 30	80	90	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.	Hạ tầng số		- 100% HTTT dùng chung đã vận hành trên nền tảng hạ tầng ảo hóa tập trung; Mạng TSLCD cấp II đã kết nối đến 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã; ...	Tiến tiến, hiện đại	Tiến tiến, hiện đại	Tiến tiến, hiện đại	Tiến tiến, hiện đại	Tiến tiến, hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.	Hoàn thành xây dựng tỉnh Khánh Hòa là đô thị thông minh		-	-	Hoàn thành xây dựng	Vận hành hiệu quả	Vận hành hiệu quả	Vận hành hiệu quả	Sở Xây dựng	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
6.	Quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
7.	Nâng cấp, hoàn thiện, vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, tích hợp và đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	Thành lập 01 Trung tâm giám sát, điều hành thông minh IOC; Duy trì vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh, nền tảng kết nối tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP), trực liên thông văn bản (VXP), hệ thống máy chủ SS phục vụ kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Duy trì và vận hành hiệu quả	Duy trì và vận hành hiệu quả	Duy trì và vận hành hiệu quả	Duy trì và vận hành hiệu quả	Duy trì và vận hành hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, các cơ quan đơn vị liên quan	
8.	Tỉ lệ hệ thống thông tin đang vận hành hoặc trước khi đưa vào vận hành, khai thác hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	%	08/154 HTTT, đạt 5,15% (<i>thống kê tỷ lệ hồ sơ cấp độ ATTT được thẩm định, phê duyệt từ sau sáp nhập đơn vị hành chính; 100% HTTT</i>)	100	100	100	100	100	Công an tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan đơn vị, địa phương	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
	được duyệt		<i>đang được các cơ quan rà soát, cập nhật hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định).</i>							
II	Phát triển nguồn lực			-						
9.	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	% Tổng chi NSNN	1,23	Tiệm cận mức 2%	≥ 2% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Đạt 3%	≥ 3% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	≥ 3% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	
10.	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng, đáp ứng kỹ năng số căn bản	%	100	100	100	100	100	100	UBND cấp xã	
11.	Tỉ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng, đáp ứng kỹ năng số căn bản	%	100	100	100	100	100	100	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	
12.	Tỉ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	-	80	90	95	100	100	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; BHXH tỉnh; Sở Xây dựng.	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
13.	Tỉ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	%	-	-	-	50	80-90	80-90	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; BHXH tỉnh; Sở Tài chính; Ngân hàng nhà nước khu vực 10	
III	Phát triển khoa học, công nghệ									
14.	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	-	-	Nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu trong cả nước	Duy trì thứ bậc và phấn đấu tăng dần xếp hạng	Duy trì thứ bậc và phấn đấu tăng dần xếp hạng	Duy trì thứ bậc và phấn đấu tăng dần xếp hạng	Sở Khoa học và Công nghệ	
15.	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	44,97	55	Duy trì và tăng dần	Duy trì và tăng dần	Duy trì và tăng dần	Duy trì và tăng dần	Sở Tài chính, Chi cục Thống kê, Sở Khoa học và Công nghệ	
16.	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	0,12	1	2	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	
17.	Tỉ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	-	≥ 30	> 60	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
18.	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	13	13	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
19.	Tổ chức khoa học và công nghệ hàng đầu Việt Nam đặt trụ sở, chi nhánh đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Khánh Hòa	Tổ chức	-	≥ 1	2-3	Duy trì và phân đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phân đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phân đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
20.	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Doanh nghiệp	14	≥ 14	≥ 20	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
21.	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Tổ chức	60	≥ 60	≥ 65	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
22.	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu hàng năm	Công trình KHCN	21	≥ 15	≥ 30	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Duy trì và tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
23.	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai hàng năm	Nhiệm vụ KHCN	34	≥ 35	≥ 40	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
24.	Tỉ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau nghiệm thu (Có chuyển giao, tập huấn nhân rộng, thương mại hóa,...)	%	80	≥ 80	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị liên quan	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
25.	Số doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, làm chủ công nghệ lõi/Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Doanh nghiệp	0/14	0/16	1/20	2/35	10%	10%	Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị liên quan	
IV	Phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo									
26.	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	40	≥ 40	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
27.	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,743	$\geq 0,78$	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
28.	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	9	Top 10 tỉnh, thành phố	Top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
29.	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	-	≥ 10	16-18	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
30.	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) hàng năm	Đơn đăng ký	40	≥ 40	≥ 40	Tăng dần theo năm phát triển	Tăng dần theo năm phát triển	Tăng dần theo năm phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	
31.	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	-	≥ 5	8-10	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
32.	Số lượng vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	vườn ươm, trung tâm	-	≥ 01	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
33.	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	20	≥ 50	≥ 150	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
34.	Số lượng dự án/ nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hàng năm	Dự án	-	≥ 6	≥ 30	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
35.	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh hàng năm	Sáng chế/giải pháp	01	≥ 02	$\geq 03/\text{năm}$	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
36.	Số lượng sáng kiến được công nhận hàng năm	Sáng kiến	-	≥ 30	≥ 70	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
IV	Phát triển chuyển đổi số									
37.	Xếp hạng đánh giá mức độ Chuyển đổi số tỉnh (DTI)	Thứ bậc	16	Xếp thứ 13 tỉnh, thành phố	Top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
38.	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử									
-	Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	56,7	90	100	100	100	100	Văn phòng UBND tỉnh	
-	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	100	100	100	100	100	Văn phòng UBND tỉnh	
-	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	74,4	≥ 80	90	90	100	100	Văn phòng UBND tỉnh	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
-	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	99,65	100	100	100	100	100	Công an tỉnh	
-	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước (trừ văn bản mật)	%	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
-	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
-	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
39.	Tỉ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
40.	Tỉ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	%	35	≥ 50	≥ 80	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	CSDL giải quyết TTHC; CSDL dân cư; CSDL Đất đai; CSDL CBCCVC; CSDL báo

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
										cáo; CSDL đăng ký kinh doanh; CSDL quản lý văn bản;
41.	Tỉ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành được chia sẻ, tích hợp thông qua trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	%	100	100	100	100	100	100	Sở, ban, ngành tỉnh	Duy trì vận hành nền tảng kết nối tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh, kịp thời triển khai tích hợp các dịch vụ dữ liệu (23/23 dịch vụ dữ liệu).
42.	Quản lý nhà nước trên mô trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
43.	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	100	100	100	100	100	Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan	Kết nối 23/23 dịch vụ dữ liệu theo tài liệu của Cục Chuyển đổi số (Bộ Khoa học và Công nghệ)
44.	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	GRDP	-	-	≥ 30	≥ 30	≥ 30	≥ 30	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 10	
45.	Tỉ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	54,15%	≥ 55	≥ 60	≥ 85	≥ 95	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
46.	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1000 dân	Ước đạt 1,4 (2680 doanh nghiệp số)	1,5	1,8	2,2	3	4	Sở Khoa học và Công nghệ	
47.	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong vùng, khu vực	Doanh nghiệp	-	-	≥ 2	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
48.	Tỉ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%	-	-	30	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo	Duy trì và phấn đấu tăng dần theo năm	Sở Khoa học và Công nghệ	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
						năm	năm			
49.	Quy mô kinh tế số	% GRDP	8,17	14	30	35	40	≥ 50	Sở Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ	
50.	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	86,97	≥ 86	≥ 95	100	100	100	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 10	
51.	Tỉ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	30	≥ 35	≥ 40	≥ 45	≥ 70	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
52.	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	90	≥ 95	100	100	100	100	Sở Y tế	
53.	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	14/34 tỉnh thành phố	Top 12 tỉnh, thành phố và tăng dần ít nhất 1-2 bậc theo từng năm	Duy trì và phần đầu tăng dần thứ bậc theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần thứ bậc theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần thứ bậc theo năm	Duy trì và phần đầu tăng dần thứ bậc theo năm	Công an tỉnh phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan đơn vị, địa phương	
54.	Tỉ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	Tài khoản đã cấp 1.466.103/2.235.019 nhân khẩu thường trú, đạt 65,6%	≥ 80	≥ 95	100	100	100	Công an tỉnh	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2025 đã đạt được	MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM					CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI	Ghi chú
				2026	2030	2035	2040	2045		
55.	Làm chủ ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân		-	-	-	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THEO DÕI TRÊN HỆ THỐNG GIÁM SÁT CỦA TRUNG ƯƠNG
VỀ NGHỊ QUYẾT 11, NGHỊ QUYẾT 57
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ ²	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa và công tác tổ chức triển khai					
1.	Xây dựng chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Báo và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương	Chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	Thường xuyên	
2.	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
3.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Thường xuyên	

² Nhiệm vụ thực hiện báo cáo thường xuyên hằng tháng trên hệ thống giám sát của Trung ương và thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương

4.	Phân đầu bố trí tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước	Các sở, ban, ngành, địa phương		Phân đầu đạt tỉ lệ phù hợp về cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Thường xuyên	
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
5.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên	
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
6.	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu tỉnh; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Hoàn thành cơ sở dữ liệu, chia sẻ, sử dụng hiệu quả	Hoàn thành trong năm 2026 và sử dụng ổn định	
7.	Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
8.	Triển khai các nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành các nền tảng số dùng chung theo ngành, lĩnh vực	Thường xuyên	

	trường số					
9.	Xây dựng và hoàn thành Đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ Các sở, ban, ngành, địa phương	Lập Đề án trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt Đề án	6/2028	
10.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ	Hoàn thành trong năm 2026 và sử dụng ổn định	
IV	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị của địa phương, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh					
11.	Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, địa phương	Dữ liệu lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập và số hóa	Thường xuyên	
V	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp					
12.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
13.	Hình thành ít nhất 01 Khu công nghiệp công nghệ số/Khu công nghệ thông tin tập trung (theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án	6/2028	

14.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/Kế hoạch	12/2026	

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHÁC GIAO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa					
1.	Tuyên truyền và công khai, giám sát, theo dõi các chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương; Báo và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa; Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh	Hình thức tuyên truyền, giám sát hiệu quả, dễ tiếp cận	Thường xuyên	
2.	Tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương; Báo	Văn bản triển khai; Kết quả cụ thể việc tuyên truyền	Thường xuyên	

			và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa, Trung tâm Công báo và Công TTĐT tỉnh			
3.	Xây dựng các mô hình thử nghiệm, mô hình trình diễn, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn ứng dụng tiến bộ công nghệ vào thực tiễn sản xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, địa phương	Các mô hình	Thường xuyên	
4.	Phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Văn bản triển khai; Kết quả cụ thể	Thường xuyên	
5.	Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai; Kết quả cụ thể	Thường xuyên	
6.	Triển khai thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước. Liên thông kết quả chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai; Kết quả cụ thể	Thường xuyên	
7.	Quản triệt các quy định trung ương về phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai; Kết quả cụ	Thường xuyên	

	học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW			thể		
8.	Đảm bảo trong dự toán ngân sách hàng năm để bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng lên 2% GRDP trong 5 năm tiếp theo	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu	Thường xuyên	
9.	Đề án chuyển đổi mô hình hoạt động của Trung tâm Thông tin Ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh trở thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo và đưa vào vận hành không gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Đề án được UBND tỉnh phê duyệt	Hoàn thành đề án trong tháng 06/2026 và duy trì vận hành ổn định	
10.	Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan	Văn bản triển khai; Kết quả cụ thể	Thường xuyên	
11.	Đề xuất tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan có thành tích tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai/ Số lượng được biểu dương, tôn vinh	Thường xuyên	
12.	Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp	Sở Khoa	Các sở, ban,	Văn bản	Thường	

	miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	học và Công nghệ	ngành, địa phương	triển khai/ Hiệu quả mang lại của mô hình	xuyên và theo hướng dẫn của Bộ KH-CN	
II	Triển khai thực hiện các chính sách mới để tạo sự bứt phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa					
13.	Tham mưu triển khai, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù trong các ngành, lĩnh vực	Sở, ban ngành	Cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
14.	Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Văn bản triển khai/ Hoạt động hiệu quả	9/2026	Đơn vị giao chủ trì rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính khả thi, khả năng huy động/ thu hồi vốn để triển khai tại tỉnh
15.	Thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Đề án được phê duyệt/ Hoạt động hiệu quả	9/2026	Sau khi có hướng dẫn từ Bộ Khoa học và Công nghệ
16.	Triển khai Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai/ Hệ thống hạ tầng viễn thông đáp	Sau khi Đề án được ban hành và hướng dẫn của	

				ứng yêu cầu	Bộ Công an	
17.	Tham mưu triển khai chính sách đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số	Sở Tài chính	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan.	Văn bản triển khai sau khi có hướng dẫn của các bộ, ban ngành trung ương	Thường xuyên	
18.	Triển khai các quy định pháp luật trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
19.	Nghị quyết chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	7/2026	
20.	Đảm bảo sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Khánh Hòa. Phát huy tối đa nguồn lực từ các Viện, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng và các trường đại học trên địa bàn tỉnh Khánh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các Viện, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng và các trường đại học trên địa bàn tỉnh Khánh	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
21.	Triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành, địa phương	Văn bản triển khai; Kết quả thực	12/2035	

	nước, khả năng tiếp cận công nghệ.			hiện		
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
22.	Triển khai Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, ban địa phương	Văn bản triển khai/ Kết quả thực hiện các công nghệ chiến lược	Thường xuyên	
23.	Giải pháp cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, ban địa phương	Văn bản triển khai/ Kết quả thực tế	Thường xuyên	
24.	Triển khai các chính sách phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch (Điện mặt trời, Điện gió, Điện khí LNG, Điện hạt nhân). Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương.	Sở Công thương	Sở, ngành, ban địa phương	Văn bản triển khai/ Kết quả thực tế	Thường xuyên	
25.	Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh (SOC); triển khai Kiểm tra, đánh giá, đào tạo, Diễn tập an ninh mạng;...	Công an tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan đơn vị, địa phương	Trung tâm Giám sát hoạt động ổn định	Thường xuyên	
26.	Triển khai Đề án của Thủ tướng Chính phủ thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong các ngành, lĩnh vực như: Hải dương học, công nghệ sinh học, thủy sản, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản triển khai; kết quả thực hiện	Thường xuyên	

	biển thủy sản, vắc xin và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ, du lịch, công nghiệp, năng lượng, công nghệ sinh học, đô thị, xây dựng...					
27.	Triển khai chính sách về hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; đào tạo nhân lực công nghệ số; để phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai; kết quả thực hiện	Thường xuyên	
28.	Đảm bảo kinh phí duy trì các điểm Wifi công cộng cho các Thôn, Nhà Văn hóa của các địa phương cấp xã (UBND cấp xã rà soát nhu cầu, duy trì các điểm Wifi công cộng tại địa phương)	UBND cấp xã	Sở Tài chính	các điểm Wifi cấp xã được duy trì ổn định	Thường xuyên	
29.	Phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.	UBND cấp xã Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Cung cấp dịch vụ cho người dùng	Thường xuyên	
30.	Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Mạng lưới kết nối	Theo hướng dẫn của Bộ liên quan	
31.	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy điện hạt nhân, bảo đảm nguồn điện bền vững	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Hoàn thành xây dựng	12/2030	

32.	Xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung hoặc Khu Công nghệ số tập trung, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Văn bản triển khai	12/2030	
33.	Thực hiện có hiệu quả Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Văn bản triển khai/ Kết quả thực tế	Thường xuyên	
34.	Xây dựng, hoàn thiện danh mục các nhiệm vụ đặt hàng cho Trung tâm công nghệ đại dương (sau khi đi vào hoạt động).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng	12/2026	
35.	Xây dựng Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo liên vùng; Trung tâm công nghiệp xanh NetZero	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Văn bản triển khai	12/2030	
36.	Tăng cường năng lực hạ tầng, bảo đảm vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh, bảo đảm kết nối, tích hợp và đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Trung tâm dữ liệu tỉnh vận hành	Thường xuyên	

				hiệu quả		
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh					
37.	Triển khai các chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Kế hoạch/Văn bản triển khai	Thường xuyên	
38.	Triển khai Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học, công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch/Văn bản triển khai	Thường xuyên	
39.	Triển khai Khung chiến lược giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường Đại học trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch/Văn bản triển khai	12/2026	
40.	Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 78-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về “tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
41.	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cơ	Văn bản triển khai/	Thường xuyên	

	ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên	tạo	sở giáo dục, các sở, ban, ngành, địa phương	mô hình đạt kết quả tốt		
42.	Thu hút, tuyển dụng giáo viên/giảng viên xuất sắc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cơ sở giáo dục, các sở, ban, ngành, địa phương	Mô hình triển khai/ số lượng giáo viên/giảng viên xuất sắc được thu hút	Thường xuyên	
43.	Triển khai quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ tiên tiến, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cơ sở giáo dục, các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai/ kết quả thực tế	Thường xuyên	
44.	Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các lĩnh vực như khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ,... nhất là trình độ sau đại học phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo về trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn và các lĩnh vực công nghệ khác.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cơ sở giáo dục, các sở, ban, ngành, địa phương	Các chương trình được triển khai	Thường xuyên	
45.	Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, phát triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cơ sở giáo dục,	Mô hình triển khai/ kết quả đạt	Thường xuyên	

			các sở, ban, ngành, địa phương	được thực tế		
46.	Nghiên cứu phát triển mô hình trường Trung học phổ thông thực hành trong trường Đại học trên địa bàn tỉnh nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường THPT, trường đại học, cơ sở giáo dục, các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án trình UBND tỉnh/ kết quả triển khai thực tế	12/2026	
47.	Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Mô hình triển khai	Thường xuyên	
48.	Chú trọng phát triển, thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành để Khánh Hòa trở thành một trong những địa phương có trình độ khoa học - công nghệ thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và cả nước trên các lĩnh vực: Hải dương học, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vắc xin và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ, du lịch...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, viện trường, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
49.	Phối hợp đẩy nhanh việc triển khai Đề án Nâng cấp Trường Đại học Nha Trang thành Đại học vùng gắn với	Sở Giáo dục và	Trường Đại học	Hoàn thành Đề án	12/2030	

	định hướng phát triển một số ngành đào tạo trọng điểm khoa học – công nghệ biển và thủy sản thuộc nhóm đầu các đại học ở khu vực châu Á.	Đào tạo	Nha Trang, các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan			
50.	Thường xuyên cập nhật và phân tích cơ sở dữ liệu về đội ngũ trí thức của tỉnh, trên địa bàn tỉnh phục vụ việc hoạch định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa	Các sở, ban, ngành, viện, trường, địa phương	Cơ sở dữ liệu về đội ngũ trí thức của tỉnh được cập nhật	Thường xuyên	
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị của địa phương, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh					
51.	Triển khai hiệu quả Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Mô hình triển khai hiệu quả	Thường xuyên	
52.	Chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện phục vụ chuyển đổi số cấp xã, bao gồm: <i>Đường truyền và kết nối mạng ổn định; Trang bị máy tính</i>	UBND cấp xã	Sở Khoa học và		6/2026 và Duy trì ổn định	

	<i>và thiết bị làm việc thiết yếu; Đảm bảo nhân lực về công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc; Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng; Cơ sở dữ liệu địa phương</i>		Công nghệ			
53.	Tham gia triển khai Dự án Bản đồ dữ liệu kinh tế và đô thị biển	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở NNMT, các sở, ngành.	Cơ sở dữ liệu	12/2026 và Duy trì ổn định	
54.	Triển khai Mô hình “Trợ lý ảo phục vụ công vụ”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Mô hình thực hiện	12/2026 và Duy trì ổn định	
55.	Triển khai số hóa vùng trồng; Mô hình hộ kinh doanh chăn nuôi, hộ kinh doanh trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Mô hình thực hiện	12/2026 và Duy trì ổn định	
56.	Triển khai thử mô hình điểm du lịch chuyển đổi số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Mô hình thực hiện	12/2026 và Duy trì ổn định	
57.	Đề án chuyển đổi số cảng biển và xanh hóa cụm cảng biển	Sở Xây	Các sở,	Đề án được ban hành	Hoàn thành năm	

		dựng	ngành, địa phương		2026 và triển khai thực hiện	
58.	Triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp;	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
59.	Triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch	Thường xuyên	
60.	Triển khai các nền tảng số, ứng dụng dữ liệu lớn về giám sát, thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải và cung cấp dịch vụ công cá nhân hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
61.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi	Sở Nông nghiệp	Sở Khoa học và	Văn bản triển khai,	Thường xuyên	

	trường	và Môi trường	Công nghệ, các địa phương	ứng dụng/ Kết quả thực hiện		
62.	Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế	Công an tỉnh; BHXH tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương	Dữ liệu liên được thông	Thường xuyên	
63.	Xây dựng, triển khai các nền tảng số thuộc các ngành du lịch, dịch vụ, tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông vận tải,... nhằm tăng cường công tác giám sát, điều hành và quản lý, điều hành ở các lĩnh vực thiết yếu	Các sở, ban, ngành, địa phương		Văn bản triển khai/ Nền tảng hoạt động ổn định	Thường xuyên	
64.	Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các Chương trình Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 05 năm trong các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên như hải dương học, công nghệ sinh học, thủy sản, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vắc xin và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ, du lịch,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
65.	Triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ tự động hóa trong nhiệm vụ đảm bảo an ninh – quốc phòng của tỉnh.	Bộ Chỉ huy	Các sở, ban, ngành, địa	Văn bản triển khai	Thường xuyên	

		Quân sự tỉnh	phương			
66.	Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Sau khi Đề án được ban hành	
67.	Xây dựng Nền tảng số phục vụ quản trị và chỉ đạo điều hành tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Nền tảng số phục vụ quản trị và chỉ đạo điều hành tỉnh Khánh Hòa	Hoàn thành năm 2026 và vận hành ổn định	
68.	Xây dựng Nền tảng số dùng chung cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Cấp xã	Nền tảng số dùng chung cấp xã	Hoàn thành năm 2026 và vận hành ổn định	
69.	Xây dựng Kho Dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kho Dữ liệu dùng chung	Hoàn thành năm 2026 và vận hành ổn định	
70.	Xây dựng Ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa	Các sở, ban,	Ứng dụng tương tác	Hoàn thành năm	

		học và Công nghệ	ngành, địa phương	phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	2026 và vận hành ổn định	
71.	Nâng cấp, hoàn thiện; Tổ chức quản trị, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các nền tảng, hệ thống thông tin được nâng cấp	Hoàn thành năm 2026 và vận hành ổn định	
72.	Xây dựng Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Khánh Hòa	Hoàn thành năm 2026 và vận hành ổn định	
73.	Tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành ưu tiên triển khai năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai	Hoàn thành năm 2026 và vận hành ổn định	
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp					
74.	Xây dựng và triển khai kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Khánh Hòa, trong đó tập trung các nội dung về tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp; triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số cho	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch/ Kết quả thực hiện cụ thể	Hoàn thành năm 2026 và triển khai thực hiện	

	doanh nghiệp nhỏ và vừa; hình thành mạng lưới chuyên gia tư vấn chuyển đổi số tại địa phương,...					
75.	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
76.	Đẩy mạnh hợp tác giữa doanh nghiệp và đội ngũ trí thức, giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở khoa học công nghệ; giữa các cơ sở khoa học công nghệ của Trung ương với tỉnh... Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ từ cơ sở nghiên cứu đến doanh nghiệp; đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
77.	Triển khai Chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 (Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp; xúc tiến thương mại; chuyển đổi số; mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu ...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Hiệp hội doanh nghiệp, các Doanh nghiệp tham gia Chương trình	Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình và các nhiệm vụ triển khai theo QĐ	Thường xuyên	
78.	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Công an tỉnh, Sở Công	Các sở, ban, ngành, địa	Văn bản triển khai	Thường xuyên	

		thương	phương			
VII	Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh					
79.	Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/Khu công nghiệp công nghệ cao/Khu công nghệ thông tin tập trung hoặc Khu Công nghệ số tập trung.	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	12/2030	
80.	Triển khai các quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
81.	Học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm trong nước và quốc tế có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đoàn học tập kinh nghiệm hoặc văn bản triển khai	Thường xuyên	

	góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.					
82.	Mở rộng hợp tác về chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ với các tỉnh, tổ chức đối tác có nền khoa học và công nghệ tiên tiến, giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức hợp tác, giao lưu, tiếp cận với tiến bộ khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Tăng cường hợp tác với các nhà khoa học quốc tế hoạt động nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
83.	Đa dạng phương thức đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ đứng đầu các chuỗi giá trị, sản xuất, các đối tác công nghệ cao, công nghệ mới. Tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ, tri thức và các nguồn viện trợ của nước ngoài để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
84.	Xây dựng các diễn đàn để các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh có cơ sở, cơ hội trao đổi, hợp tác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ.	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa	Các sở, ban, ngành, viện, trường, địa phương	Các diễn đàn được tổ chức	Thường xuyên	

